

Bản án số: 545/2020/HC-PT

Ngày: 18-9-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính về
giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ
thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 702/2019/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2019; về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1067/2019/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3324/2020/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị ThL; sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: 274 Lầu 3, TrP, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị ThL: Ông Phan HĐ, sinh năm 1953; Địa chỉ cư trú: 34/6 NTT, Tổ 27, khu phố 3A, phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 06494 lập ngày 13/6/2018 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị ThL: Ông Nguyễn Văn Tứ, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nhân Trí, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ trụ sở: 300 Nguyễn Bình, ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lưu; Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Nhà Bè và Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè:

1. Ông Võ Phan ĐT; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 4 - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè (có mặt).

2. Ông Huỳnh VH; Chức vụ: Phó trưởng Phòng tư pháp huyện Nhà Bè (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị ThL là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị ThL có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan HĐ trình bày ý kiến:

Năm 1995, bà Nguyễn Thị ThL có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn Tr, diện tích đất 74m², thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại xã Nhơn Đức (theo tài liệu 2005) thuộc thửa 1271, tờ bản đồ số 02, xã Nhơn Đức (theo tài liệu 02/CT-UB) có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà ThL đã quản lý, sử dụng phần đất nêu trên liên tục từ năm 1995 đến nay, loại đất ở, không có tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, đất thuộc diện giải tỏa toàn bộ, nằm trong quy hoạch khu dân cư hiện hữu.

Năm 2000, theo Sơ đồ đo đạc ruộng đất đền bù giải tỏa và theo Biên bản hiệp thương đền bù đối với bà Nguyễn Thị ThL có đất nằm trong dự án xây dựng công trình cầu Bà Chiêm phải giải tỏa, đền bù là 28,40m² (loại đất T) thuộc một phần thửa 1271, tờ bản đồ số 02 xã Nhơn Đức (theo tài liệu 02/CT-UB) đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà ThL quản lý sử dụng (tài liệu tại trang 3 (dòng 3-8), Quyết định 4206/QĐ-UB). Diện tích đất còn lại ngoài dự án cầu Bà Chiêm không bị giải tỏa là 42,10m².

Năm 2017, thực hiện dự án “Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity (dự án Metrocity) tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè”, phần đất còn lại có diện tích 42,1m² nêu trên nằm trong dự án Metrocity bị giải tỏa trắng.

Ngày 27/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 3116/QĐ-UBND về việc bồi thường 42,1m² đất bị giải tỏa, đối với bà Nguyễn Thị ThL với tổng số tiền đền bù 86.557.600 đồng. Bồi thường đất nông nghiệp cây lâu năm mặt tiền đường xã Nhơn Đức, diện tích đất thu hồi là 42,1m² thuộc

phần thửa 40 tờ bản đồ số 42 xã Nhơn Đức (theo tài liệu năm 2005), thuộc một phần thửa 1271-1 tờ bản đồ số 02 xã Nhơn Đức (theo tài liệu 02/CT-UB).

Qua hai lần giải tỏa bồi thường, bà ThL nhận thấy việc thu hồi đất, bồi thường không tuân thủ quy định của pháp luật cụ thể như sau:

Đất bà ThL chuyển nhượng từ ông Lê Văn Tr (năm 1995) diện tích 74m², thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 42, tọa lạc xã Nhơn Đức (theo tài liệu 2005) thuộc thửa 1271, tờ bản đồ số 02, xã Nhơn Đức (theo tài liệu 02/CT-UB) là đất ở.

Đất bị thu hồi lần 1 là 28,4m² (thu hồi năm 2007) bồi thường là đất (T).

Thực tế hai phần đất bị thu hồi trên đều nằm trong phần đất có diện tích 74 m² nêu trên, khi chuyển nhượng là đất ở. Đất bị thu hồi bồi thường lần 1 có diện tích 28,4 m² là đất thổ, bồi thường lần 2 có diện tích 42,1m² là đất nông nghiệp.

Việc xác định giá đất bồi thường diện tích đất 42,1m² là đất nông nghiệp, đơn giá 2.056.000 đồng/m², tổng bồi thường là 86.713.600 đồng, tại Quyết định 3116/QĐ-UBND là không khách quan, không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị ThL.

Do đó bà ThL khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy một phần Quyết định 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 cụ thể là khoản 2 Điều 1 của Quyết định 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017, phải bồi thường là đất ở cho bà Nguyễn Thị ThL.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có văn bản trình bày ý kiến số 2233/UBND ngày 04/10/2018:

1. Cơ sở pháp lý thực hiện dự án:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2049/UBND-ĐTMT ngày 05/5/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè;

Căn cứ Công văn số 789/UBND-ĐTMT ngày 10/02/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận chủ trương tiếp tục thực hiện dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè;

Căn cứ Quyết định 4467/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc

làm của dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè,

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè lập, thẩm định và phê duyệt Phương án bồi thường số 11/PABT – HĐBT ngày 28/8/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè đã được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè duyệt tại Quyết định số 2797/QĐ - UBND ngày 28/8/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.

2. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị ThL yêu cầu hủy một phần Quyết định 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về phần bồi thường loại đất:

Hồ sơ bà Nguyễn Thị ThL, địa chỉ 274 lầu 3 TrP, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích bị thu hồi trong dự án 42,1m² thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 42, xã Nhơn Đức (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là hộ thuộc diện thu hồi toàn bộ diện tích đất trong phạm vi dự án.

Căn cứ xác định giá trị bồi thường về đất của bà Nguyễn Thị ThL:

- Phương án bồi thường số 11/PABT-HĐBT ngày 28/8/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè đã được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè duyệt tại Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.

- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và nhà số 29/XN-UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, Công văn số 441/TNMT ngày 10/6/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận như sau: Bà Nguyễn Thị ThL địa chỉ 274 lầu 3 TrP, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích bị thu hồi trong dự án 42,1m² thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 42, xã Nhơn Đức, loại đất trồng cây lâu năm”.

Căn cứ khoản 4 Mục I Phần V Phương án bồi thường số 11/PABT-HĐBT ngày 28/8/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển huyện Nhà Bè đơn giá đất nông nghiệp để tính bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường xã Nhơn Đức là 2.056.000 đồng/m², Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 về việc bồi thường đối với bà Nguyễn Thị ThL với tổng số tiền bồi thường là 86.713.600 đồng và Quyết định 26/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 về việc thưởng chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời hạn quy định với tổng số tiền bồi thường là 7.500.000 đồng. Hiện nay bà Nguyễn

Thị ThL đã nhận tiền bồi thường, tiền thưởng và đã bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quyết định bồi thường và Quyết định thưởng cho bà Nguyễn Thị ThL là đúng theo phương án được phê duyệt và đúng theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1067/2019/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116 khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều luật đã viện dẫn trong Bản án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về lệ phí án phí Tòa án,

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị ThL, yêu cầu tuyên hủy khoản 2 Điều 1 của Quyết định 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị ThL trong dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocitiy tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng của các đương sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, bà Nguyễn Thị ThL nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phan HĐ là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Ông Phan HĐ và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị ThL: Phần đất mà Nhà nước thu hồi của bà ThL có nguồn gốc của bà Võ Thị C chuyển nhượng cho ông Lê Văn Tr năm 1994, sau đó ông Tr chuyển nhượng cho bà ThL vào năm 1995. Các văn bản chuyển nhượng này đều xác định là đất thổ cư. Cùng một thửa đất, nhưng giải tỏa lần 1 là 28,4m² Nhà nước xác định và bồi thường loại đất thổ cư, nhưng với 42,1m² thu hồi lần này thì bồi thường loại đất trồng cây lâu năm là mâu thuẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà ThL, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ThL.

Ông Võ ĐT và ông Huỳnh VH: Không tranh luận, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị ThL làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3/ Về nội dung kháng cáo: Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đều xác định 42,1m² đất mà Nhà nước thu hồi của bà ThL là đất thổ cư. Việc UBND huyện Nhà Bè bồi thường cho bà ThL theo giá đất trồng cây lâu năm là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà ThL, áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ThL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị ThL làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị ThL, nhận thấy:

[2.1] Tại giấy chuyển nhượng đất (bút lục số 120) giữa ông Lê Văn Tr và bà Nguyễn Thị ThL, được UBND xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè xác nhận ngày 17/11/1995, thể hiện ông Tr chuyển nhượng cho bà ThL 74m² thuộc một phần thửa 1271, tờ bản đồ số 2, bộ địa chính xã Nhơn Đức (theo tài liệu 02/CT-UB) là loại đất Thổ cư.

[2.2] Tại Tờ bản đồ số 1 (bút lục số 103), tại Tờ khai đăng ký ruộng đất của xã Nhơn Đức (bút lục số 105) và theo lời giải thích của ông Võ Phan ĐT, ông Huỳnh Văn Hoàng tại phiên toà phúc thẩm, thì thửa 1271, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 02/CT-UB) chính là thửa 496, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 299/TTg), thể hiện là đất Thổ tập trung.

[2.3] Cùng thửa đất 1271, năm 2007 UBND huyện Nhà Bè thu hồi 28,4m² và bồi thường cho bà ThL theo giá đất Thổ cư.

Tại Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 10/5/2012 (bút lục số 71), Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và nhà số 29/XN-UBND ngày 12/8/2015 (bút lục số 68) và Công văn số 441/TNMT ngày 10/6/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhà Bè (bút lục số 65), xác định 42,1m² đất của bà ThL là đất trồng cây lâu năm là không phù hợp với các tài liệu đã viện dẫn ở trên. Đồng thời, tại phiên toà phúc thẩm, ông Tr và ông Hoàng là người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cũng không giải thích được tại sao phần đất của bà ThL nguồn gốc là đất Thổ cư, nhưng đến năm 2015 thì chuyển sang đất Trồng cây lâu năm. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận 42,1m² đất của bà ThL bị UBND huyện Nhà Bè thu hồi là đất Thổ cư.

Do đất của bà ThL là đất Thổ cư, nhưng tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND huyện Nhà Bè, quyết định bồi thường cho bà ThL 86.713.600 đồng theo giá đất Trồng cây lâu năm là không đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 4206/QĐ-UBND ngày 08/12/2017: Không đồng ý với Quyết định số 3116/QĐ-UBND, bà ThL khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè. Tại Quyết định số 4206/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà ThL và giữ nguyên Quyết định số 3116/QĐ-UBND. Xét thấy, mặc dù trong đơn khởi kiện ban đầu và trong quá trình giải quyết vụ án, bà ThL không yêu cầu hủy Quyết định số 4206/QĐ-UBND, nhưng như phần trên đã nhận định, khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 3116/QĐ-UBND là trái pháp luật. Do đó, cần thiết phải hủy cả Quyết định 4206/QĐ-UBND mới giải quyết triệt để vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà ThL là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà ThL. Kháng cáo của bà ThL và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

[2.5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện Nhà Bè phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo luật định. Trả cho bà ThL 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 44429 ngày 07/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị ThL. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1067/2019/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116 khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về lệ phí án phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị ThL.

Huỷ khoản 2 Điều 1 của Quyết định 3116/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị ThL trong dự án Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity tại xã Nhơn Đức và xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỷ Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị ThL.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm:

UBND huyện Nhà Bè phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trả cho bà ThL 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 44429 ngày 07/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.